TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L,** sinh ngày 28/9/1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình H**, sinh ngày 29/6/1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú và làm việc: Nhật Bản; hiện đang tạm trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị Phạm Thị L ủy quyền về việc giao nhận các văn bản của Tòa án: Bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H mải chơi gây thất thoát kinh tế. Bản thân anh H đã nhiều lần hứa hẹn và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh H không có sự thay đổi khiến cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị không còn niềm tin với anh H. Thời gian sau này anh chị cùng đi lao động tại Nhật Bản, mặc dù cùng ở nước ngoài, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ với nhau khiến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 22/8/2013. Hiện hai con chung đang ở cùng với mẹ đẻ chị là bà Vũ Thị M. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do điều kiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án tạm giao hai con chung cho bà Vũ Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị không ở tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị L đã trình bày. Trong thời gian ở nước ngoài, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất quan điểm sống (chị L muốn vợ chồng cùng ở nước ngoài để làm ăn kinh tế trong khi anh muốn về Việt Nam để có điều kiện cùng nuôi dạy con chung). Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh xét thấy mâu thuẫn có thể khắc phục được nên anh không đồng ý ly hôn. Anh sẽ liên lạc sang nước ngoài để thuyết phục chị L, trường hợp chị L cương quyết thì anh cũng phải chịu và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, vợ chồng anh có hai con chung như chị L trình bày, khi ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi tốt nhất cho các con vì hiện nay anh cũng chưa quyết định là ở lại Việt Nam hay tiếp tục sang nước ngoài lao động. Về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M (mẹ đẻ chị Phạm Thị L) trình bày: Chị L và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống bà nắm được anh chị xảy ra mâu thuẫn là do anh H gây thất thoát kinh tế, chị L đã nhiều lần tha thứ nhưng

anh H không có sự thay đổi. Thời gian sau này anh chị đi Nhật Bản để làm ăn kinh tế, mặc dù cùng ở nước ngoài, vợ chồng không gặp gỡ và quan tâm chia sẻ nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị L có đơn xin ly hôn là quyền quyết định của anh chị, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Bà nhất trí sự ủy quyền của chị L về việc nuôi các cháu trong thời gian chị L không ở Việt Nam, không yêu cầu chị L, anh H cấp dưỡng cho các cháu và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Biên bản xác minh tại UBND xã N thể hiện: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình H được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại địa phương, thời gian sau này cùng đi lao động tại nước ngoài. Địa phương nắm được trong cuộc sống anh H gây thất thoát kinh tế, chị L muốn anh H ở nước ngoài để vợ chồng bảo ban nhau làm ăn kinh tế nhưng anh H vẫn quyết định về Việt Nam nên anh chị không thống nhất quan điểm và xảy ra mâu thuẫn. Nay chị L có đơn ly hôn là quyền quyết định của anh chị, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

Con chung Nguyễn Thị Hà A, Nguyễn Thị Khánh H1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Phạm Thị L và bà ngoại.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị L, bị đơn anh Nguyễn Đình H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Đình H; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 22/8/2013 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Thị Khánh H1 và Nguyễn Thị Hà A cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Bị đơn anh Nguyễn Đình H hiện về Việt Nam và tạm trú tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị L hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, trong thời gian nghỉ phép về Việt Nam đã làm đơn khởi kiện ly hôn, viết bản tự khai gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nên các tài liệu này là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, chị L, anh H và bà M vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 21/02/2009 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, HĐXX có căn cứ xác định, trong quá trình chung sống, chị L, anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Gia đình đã khuyên bảo, động viên nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Bản thân anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và thể hiện quan điểm trường hợp chị L kiên quyết thì anh cũng phải chịu và đề nghị giải quyết theo quy định. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đình H có hai con chung là Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 22/8/2013. Trong vụ án này, chị L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H cũng chưa xác định ở hẳn Việt Nam hay tiếp tục sang nước ngoài và đề nghị giải quyết đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con. Xét về thực tế cả hai con chung hiện đang

sống cùng bà M và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của các con chung, HĐXX chấp nhận giao cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 23/8/2009, Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 22/8/2013 và chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu H1, cháu Hà A cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Thị Khánh H1, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Thị Hà A, sinh ngày 22/8/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị Phạm Thị L không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung là Nguyễn Thị Hà A, Nguyễn Thị Khánh H1 cho bà Vũ Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) tạm ứng án phí (do bà Vũ Thị M đã nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001657 ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu